

Số: 197./QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất và vật tư tiêu hao phục vụ các xét nghiệm giải phẫu bệnh năm 2022

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3446/QĐ-BYT ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chuyển đổi loại hình hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1445/QĐ-BVĐHYD ngày 15 tháng 07 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp hóa chất và vật tư tiêu hao phục vụ các xét nghiệm giải phẫu bệnh năm 2022;

Theo Đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 04/TTr-TCG ngày 06 tháng 09 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất và vật tư tiêu hao phục vụ các xét nghiệm giải phẫu bệnh năm 2022 và Báo cáo thẩm định số 02./BCTĐ-TTĐ ngày 07 tháng 09 năm 2022 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất và vật tư tiêu hao phục vụ các xét nghiệm giải phẫu bệnh năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp hóa chất và vật tư tiêu hao phục vụ các xét nghiệm giải phẫu bệnh năm 2022 với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu, số danh mục, giá trúng thầu như sau:

Stt	Stt HSDT	Tên nhà thầu	Số danh mục trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
1	1	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	26	2.288.418.760
2	2	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	112	4.505.875.142

Stt	Stt HSDT	Tên nhà thầu	Số danh mục trúng thầu	Giá trúng thầu (VND)
3	3	Công ty TNHH Sinh Nam	7	239.844.800
4	4	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Vạn Hưng	1	6.270.000.000
Tổng cộng			146	13.304.138.702

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.

- Danh mục trúng thầu: Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Khoa Dược chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng Khoa Dược và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCG (B03-059-nhnga) (10).



Nguyễn Hoàng Bắc

13

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC TRÚNG THẦU

(Đính kèm theo Quyết định số 2197/QĐ-BVĐHYD ngày 15 tháng 09 năm 2022)

Stt			Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
1. Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs										Tổng cộng: 26 danh mục				Trị giá: 2.288.418.760 VND	
1	1	11	Cồn 99,5 độ	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Cồn 99,5 độ			Cemaco	Việt Nam		Lít	1.590	57.730	91.790.700
2	2	13	Lam kính nhuộm H&E	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Lam kính nhuộm H&E	0302-7121-16		Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	108.000	1.289	139.212.000
3	3	14	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) màu trắng lỗ lớn	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) màu trắng lỗ lớn	0106-1100-16		Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	71.000	2.425	172.175.000
4	4	15	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) màu vàng lỗ lớn	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) màu vàng lỗ lớn	0106-1100-17		Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	5.000	2.425	12.125.000
5	5	16	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) màu đỏ/hồng lỗ nhỏ	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) màu đỏ/hồng lỗ nhỏ	0109-1100-12		Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	5.000	2.425	12.125.000
6	6	17	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) màu xanh lá/ xanh dương lỗ nhỏ	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) màu xanh lá/ xanh dương lỗ nhỏ	0109-1100-08		Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	9.000	2.425	21.825.000
7	7	18	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) màu trắng lỗ nhỏ	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) màu trắng lỗ nhỏ	0109-1100-16		Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	7.000	2.425	16.975.000
8	8	21	Kháng thể đơn dòng chuột kháng KI67, dòng MIB-1	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Monoclonal Mouse Anti-Human Ki-67 Antigen, Clone MIB-1	M7240		Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Lọ	2	38.230.500	76.461.000



13

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
9	9	22	Kháng thể da dòng thô kháng CD3	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Polyclonal Rabbit Anti-Human CD3	A0452	Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Lọ	1	25.814.250	25.814.250
10	10	24	Kháng thể đơn dòng chuột kháng CK (Cytokeratin), dòng AE1/AE3	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Monoclonal Mouse Anti-Human Cytokeratin, Clone AE1/AE3	M3515	Dako North America, Inc.	Mỹ	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Lọ	1	17.174.850	17.174.850
11	11	25	Kháng thể đơn dòng chuột kháng cytokeratin 20(CK 20)	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Monoclonal Mouse Anti-Human Cytokeratin 20, Clone Ks 20.8	M7019	Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Lọ	1	29.927.440	29.927.440
12	12	27	Kéo dán tiêu bản nhuộm miễn dịch huỳnh quang	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Dako Glycergel Mounting Medium	C0563	Dako North America, Inc.	Mỹ	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Lọ	2	790.020	1.580.040
13	13	28	Lá kính (lamen) kích thước 24 x 50 mm	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Dako Coverglass 24x50 mm, 1000 pcs	CS704	Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Cái	70.000	4.515	316.050.000
14	14	29	Keo dán lá kính lên tiêu bản	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Dako Mounting Medium	CS703	Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Chai	6	3.309.460	19.856.760
15	15	30	Bộ thuốc nhuộm H&E - (Hematoxylin & Eosin); Dệm kiềm hóa màu nhân (Bluing Buffer); Keo dán lá kính lên tiêu bản (Mounting Medium); Lá kính (Cover Glasses)	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Bộ kit nhuộm H&E - Dako Hematoxylin (CS700); Dako Eosin (CS701); Dako Bluing Buffer (CS702); Dako Mounting Medium 473mL (CS703); Dako Cover Glasses 1,000 pcs (CS704)	CS700 CS701 CS702 CS703 CS704	Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Test	39.000	25.410	990.990.000

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
16	16	31	Kháng thể CD20 dòng L26 dạng cô đặc	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Monoclonal Mouse Anti- Human CD20cy. Clone L2	M0755	Dako Denmark A/S	Đan Mạch	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Lọ	1	15.303.750	15.303.750
17	17	32	Kháng thể TTF1 (Thyroid Transcription Factor) dòng 8G7G3-1 dạng cô đặc	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Monoclonal Mouse Anti- Thyroid Transcription Factor (TTF-1), Clone 8G7G3/1	M3575	Dako North America, Inc.	Mỹ	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Lọ	1	39.223.800	39.223.800
18	18	33	Kháng thể Prostate- Specific Membrane Antigen dòng 3E6 dạng cô đặc	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Monoclonal Mouse Anti- Human Prostate- Specific Membrane Antigen (PSMA), Clone 3E6	M3620	Dako North America, Inc.	Mỹ	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Lọ	1	13.709.850	13.709.850
19	19	34	Kháng thể Mammaglobin dòng 304-1A5 dạng cô đặc	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Monoclonal Mouse Anti- Human Mammaglobin, Clone 304-1A5	M3625	Dako North America, Inc.	Mỹ	Agilent Technologies Singapore (Sales) Pte Ltd - Singapore	Lọ	1	38.184.300	38.184.300
20	20	40	Lá kính dán tiêu bản (lamen) 22x22mm	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Lamen 22x22mm	0330-1130	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	80.000	495	39.600.000
21	21	41	Lá kính dán tiêu bản (lamen) 22x40mm	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Lamen 22x40mm	0030-3110	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	5.100	700	3.570.000
22	22	42	Lá kính dán tiêu bản (lamen) 24x50mm	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Lamen 24x50mm	0330-3610	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	1.400	700	980.000
23	23	43	Bộ đầu in tiêu bản	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Bộ đầu in tiêu bản	78250	Primera	Nhật		Bộ	2	24.370.500	48.741.000

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
24	24	44	Bộ đầu in Cassette	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Bộ đầu in Cassette	78260	Primera	Nhật		Bộ	2	24.370.500	48.741.000
25	25	45	Mực in lên tiêu bản hoặc cassette- trắng đen	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Mực in lên tiêu bản hoặc cassette- trắng đen	58105	Primera	Mỹ		Cuộn	30	2.785.934	83.578.020
26	26	46	Mực in màu lên tiêu bản hoặc cassette	Không phân nhóm	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Lifelabs	Mực in màu lên tiêu bản hoặc cassette	58108	Primera	Mỹ		Cuộn	10	1.270.500	12.705.000
2. Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương									Tổng cộng: 112 danh mục			Trị giá: 4.505.875.142 VND		
27	1	48	Kháng thể kháng CD56	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06433359001 CD56 (MRQ-42) PAB	06433359001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	100	209.664	20.966.400
28	2	49	Kháng thể kháng Cytokeratin 19	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05269440001 Cell Marque, CK 19 (mouse)	05269440001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	100	124.635	12.463.500
29	3	50	Kháng thể kháng GFAP (Glial Fibrillary Acidic Protein)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05269784001 GFAP (EP672Y)	05269784001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	100	169.890	16.989.000
30	4	51	Kháng thể kháng bcl-6	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05269008001 bcl-6 (GI191E/A8)	05269008001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	162.351	8.117.550
31	5	52	Kháng thể kháng HSA (Hepatocyte Specific Antigen)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05269792001 HEPATOCYTE (OCH1E5)	05269792001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	100	231.000	23.100.000
32	6	53	Kháng thể kháng DOG-1	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06433189001 DOG-1 (SP31) PAB	06433189001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	100	182.700	18.270.000
33	7	54	Kháng thể kháng CDX-2	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05463491001 CDX-2 (EPR2764Y) Pab	05463491001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	100	147.000	14.700.000
34	8	55	Kháng thể kháng GLUT-1 (Glucose transporter -1)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06419178001 Glut-1 (polyclonal)	06419178001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	180.390	9.019.500
35	9	56	Kháng thể kháng WT1	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05435706001 WT1 (6F-H2), Cell Marque	05435706001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	100	248.955	24.895.500

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
36	10	57	Kháng thể kháng CD31	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05463475001 CD31 (JC70)	05463475001	Cell Marque Corporation. USA	Mỹ	Cell Marque Corporation. USA	Test	50	236.355	11.817.750
37	11	58	Kháng thể kháng Myogenin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05268290001 Cell Marque,Myoge nin (F5D)	05268290001	Cell Marque Corporation. USA	Mỹ	Cell Marque Corporation. USA	Test	50	157.080	7.854.000
38	12	59	Kháng thể kháng PAX8	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06523927001 PAX8 (MRQ- 50) PAb	06523927001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation. USA	Test	50	182.700	9.135.000
39	13	60	Kháng thể kháng Thyroglobulin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267820001 Thyroglobulin(2 H11+6E1)	05267820001	Cell Marque Corporation. USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	211.953	10.597.650
40	14	61	Kháng thể kháng TdT (Terminal Deoxynucleotid yl Transferase)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267811001 TdT (polyclonal)	05267811001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	207.438	10.371.900
41	15	62	Kháng thể kháng Alpha- Fetoprotein (AFP)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267188001 AFP (polyclonal)	05267188001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	160.083	8.004.150
42	16	63	Kháng thể kháng Oct-4	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05463602001 Oct-4 (MRQ- 10), Cell Marque	05463602001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	141.561	7.078.050
43	17	64	Kháng thể kháng CD2	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05463467001 CD2 (MRQ-11), CM	05463467001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	153.867	7.693.350
44	18	65	Kháng thể kháng Placental Alkaline Phosphatase (PLAP)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267757001 PLAP (NB10)	05267757001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	162.351	8.117.550
45	19	66	Kháng thể kháng Inhibin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05268311001 Cell Marque. Inhibin	05268311001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	182.700	9.135.000
46	20	67	Kháng thể kháng Glypican- 3	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05973864001 Glypican-3 (1G12) Pab CM	05973864001	Cell Marque Corporation. USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	210.000	10.500.000
47	21	68	Kháng thể kháng GATA3	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	07107749001 GATA3 (L50- 823) Pab CM	07107749001	Cell Marque Corporation. USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	194.880	9.744.000

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
48	22	69	Kháng thể kháng CA-125	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267269001 CELL MARQUE, CA-125	05267269001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	209.664	10.483.200
49	23	70	Kháng thể kháng CA 19-9	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267242001 CELL MARQUE, CA19-9	05267242001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	209.664	10.483.200
50	24	71	Kháng thể kháng Beta-Catenin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05269016001 Cell Marque, Beta-Catenin	05269016001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	147.735	7.386.750
51	25	72	Kháng thể kháng CD45 (LCA)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05269423001C D45 (2B11 & PD7/26)	05269423001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	100	135.912	13.591.200
52	26	73	Kháng thể kháng CD34	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267323001 CELL MARQUE, CD34	05267323001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	100	236.355	23.635.500
53	27	74	Kháng thể kháng Actin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05268303001 SMA (1A4)	05268303001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	100	155.589	15.558.900
54	28	75	Kháng thể kháng CEA	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06433316001 CEA (CEA31) PAB	06433316001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	147.735	7.386.750
55	29	76	Kháng thể kháng CD21	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05973902001 'CD21 (EP3093) (rabbit)	05973902001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	164.010	8.200.500
56	30	77	Kháng thể kháng Myeloperoxidase	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267692001 CELL MARQUE, MYELOPEROXIDASE	05267692001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	117.054	5.852.700
57	31	78	Kháng thể kháng Napsin A	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	07047720001 Napsin A (MRQ-60) Pab	07047720001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	209.664	10.483.200
58	32	79	Kháng thể kháng MUM1	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08313482001 MUM1 (EP190) PAB, Cell Marque	08313482001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	252.000	12.600.000
59	33	80	Kháng thể kháng CD1a	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06419160001 CD1a (EP3622) (Rabbit)	06419160001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	142.002	7.100.100

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
60	34	81	Kháng thể kháng Calcitonin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267277001 Calcitonin (polyclonal)	05267277001	Cell Marque Corporation, USA	Mỹ	Cell Marque Corporation, USA	Test	50	162.351	8.117.550
61	35	82	Enzyme khử màng phản ứng lai (ISH Protease 3)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05273331001 ISH protease 3	05273331001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	200	36.094	7.218.800
62	36	83	Dung dịch rửa bạc trong nhuộm ISH	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05446724001 uView Silver wash II	05446724001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Lít	4	3.281.250	13.125.000
63	37	85	Đoạn dò gen HER2 đánh dấu dinitrophenyl (DNP) và đoạn dò Nhiễm sắc thể 17 đánh dấu digoxigenin (DIG)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08314373001 HER2 DISH DNA PRB CKT-US	08314373001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	30	2.362.500	70.875.000
64	38	86	Kháng thể đánh dấu hapten kháng DIG	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08318832001 RED ISH DIG DETECTION KIT	08318832001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	60	564.725	33.883.500
65	39	87	Kháng thể đánh dấu hapten kháng DNP	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08318883001 SILVER ISH DNP DETECTION KIT	08318883001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	60	564.725	33.883.500
66	40	88	Dung dịch đệm rửa Saline-sodium citrate (SSC)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05353947001 10X SSC SOLUTION, 2L	05353947001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Lít	4	1.336.493	5.345.972
67	41	89	Dung dịch đệm hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05353955001 Reaction Buffer (10X)	05353955001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Lít	80	1.113.735	89.098.800
68	42	90	Mực in nhãn tiêu bản Hóa mô miễn dịch	Không phân nhóm	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05250889001 RIBBON. EBAR PRINTER	05250889001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Hộp	4	1.878.768	7.515.072
69	43	91	Màu nhuộm nhân tế bào Hematoxylin II	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05277965001 Hematoxylin II	05277965001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	8.000	13.885	111.080.000

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
70	44	92	Dung dịch dầu phủ tiêu bản nhuộm hóa mô miễn dịch	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05424534001 BenchMark Ultra LCS	05424534001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Lít	100	965.265	96.526.500
71	45	93	Dung dịch khử sáp trong nhuộm hóa mô miễn dịch	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05279771001 10X EZ PREP SOLUTION, 2L	05279771001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Lít	56	5.940.008	332.640.448
72	46	94	Dung dịch bột lộ kháng nguyên Citrate	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05279798001 CC2 Solution, 1 Liter	05279798001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Lít	3	25.987.500	77.962.500
73	47	95	Dung dịch bột lộ kháng nguyên Tris	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05424569001 Benchmark ULTRA CC1	05424569001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Lít	56	10.395.000	582.120.000
74	48	96	Dung dịch pha loãng kháng thể Casein	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06440002001 Ventana Ab Diluent w Casein	06440002001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Hộp	7	9.450.000	66.150.000
75	49	97	Bộ hóa chất nhuộm màu hóa mô miễn dịch	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05269806001 U DAB Detection Kit	05269806001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	8.000	102.197	817.576.000
76	50	98	Bộ hóa chất nhuộm màu hóa mô miễn dịch tăng cường	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06396500001 OptiView DAB Detection Kit	06396500001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	2.500	109.200	273.000.000
77	51	99	Bộ khuếch đại tín hiệu màu hóa mô miễn dịch	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06396518001 OptiView Amplification Kit	06396518001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	300	84.000	25.200.000
78	52	100	Nhãn tiêu bản Hóa mô miễn dịch	Không phân nhóm	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05248850001 (1418702) KIT PACK, EBAR	05248850001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Nhãn	11.500	7.332	84.318.000
79	53	101	Kháng thể kháng Calretinin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05992184001 Calretinin (SP65)	05992184001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	100	157.080	15.708.000
80	54	102	Kháng thể kháng TTF-1	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06640613001 TTF-1 (SP141) PAB	06640613001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	137.991	6.899.550

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
81	55	103	Kháng thể kháng Her2/Neu	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05999570001 Ventana anti- Her2/Neu (4B5)	05999570001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	250	391.041	97.760.250
82	56	104	Kháng thể kháng PR	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05277990001 CONFIRM ANTI-PR (1E2)	05277990001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	250	255.843	63.960.750
83	57	105	Kháng thể kháng ER	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05278406001 CONFIRM ANTI-ER (SP1)	05278406001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	250	154.980	38.745.000
84	58	106	Kháng thể kháng p63	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05867061001 p63 (4A4)	05867061001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	250	162.351	40.587.750
85	59	107	Kháng thể kháng Vimentin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05278139001 CONFIRM Vimentin (V9)	05278139001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	150	144.774	21.716.100
86	60	108	Kháng thể kháng S100	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05278104001 CONFIRM anti- S100 (4C4.9)	05278104001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	150	130.641	19.596.150
87	61	109	Kháng thể kháng Synaptophysin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05479304001 CONFIRM Synaptophysin (SP11)	05479304001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	200	169.890	33.978.000
88	62	110	Kháng thể kháng Chromogranin A	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267056001 Chromogranin (LK2H10)	05267056001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	200	87.759	17.551.800
89	63	111	Kháng thể kháng CD10	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05857856001 VENTANA anti-CD10 (SP67)	05857856001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	100	280.686	28.068.600
90	64	112	Kháng thể kháng CD5	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05929903001 CONFIRM anti- CD5 (SP19)	05929903001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	100	119.826	11.982.600
91	65	113	Kháng thể kháng CD30	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	07007841001 anti-CD30 (Ber- H2)	07007841001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	100	231.000	23.100.000

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
92	66	114	Kháng thể kháng bcl-2	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05986826001 CONFIRM bcl- 2 (124)	05986826001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	100	273.000	27.300.000
93	67	115	Kháng thể kháng Protein P53	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05278775001 Confirm anti- p53 (DO-7)	05278775001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	100	126.000	12.600.000
94	68	116	Kháng thể đơn dòng PD-L1 (dòng SP263)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	07419821001 VENTANA PD-L1 (SP263) US	07419821001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	200	1.136.814	227.362.800
95	69	117	Kháng thể đơn dòng Epithelial Membrane Antigen (EMA)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05878900001 CONFIRM EMA (E29)	05878900001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	100	177.282	17.728.200
96	70	118	Kháng thể đơn dòng kháng MLH1 (M1)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08033668001 MLH1 (M1) MM PAB-US Export	08033668001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	200	197.640	39.528.000
97	71	119	Kháng thể kháng Desmin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267005001 Desmin (DE-R- 11)	05267005001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	100	87.759	8.775.900
98	72	120	Kháng thể đơn dòng kháng PMS2 (dòng A16-4)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08033692001 PMS2 (A16-4) MM PAB-US Exp	08033692001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	200	197.648	39.529.600
99	73	121	Kháng thể đơn dòng kháng MSH6 (dòng SP93)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08033676001 MSH6 (SP93) RM PAB-US Export	08033676001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	200	197.640	39.528.000
100	74	122	Kháng thể đơn dòng kháng MSH2 (dòng G219-1129)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08033684001 MSH2(G219- 1129)MM PAB- US Exp	08033684001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	200	197.648	39.529.600
101	75	123	Kháng thể kháng CD68	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05278252001C ONFIRM CD68 (KP-1)	05278252001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	89.040	4.452.000
102	76	124	Kháng thể kháng CD4	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05552737001 CONFIRM Anti-CD4 (SP35)	05552737001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	163.800	8.190.000

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
103	77	125	Kháng thể kháng CD15	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05266904001 CONFIRM anti- CD15 (MMA) IVD	05266904001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	119.826	5.991.300
104	78	126	Kháng thể kháng CD8	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05937248001 CONFIRM CD8 (SP57)	05937248001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	165.753	8.287.650
105	79	127	Kháng thể đơn dòng kháng Cytokeratin 5/6	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06478441001 Cytokeratin 5/6 (D5/16B4)	06478441001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	100	183.456	18.345.600
106	80	128	Kháng thể đơn dòng kháng CD99	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05913594001 Confirm CD99	05913594001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	183.456	9.172.800
107	81	129	Kháng thể đơn dòng kháng Cyclin D1	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05862949001 VENTANA CYCLIN D1 (SP4-R)	05862949001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	219.996	10.999.800
108	82	130	Kháng thể đơn dòng kháng Melanosome (HMB45)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05479282001 anti- Melanosome(H MB45)	05479282001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	140.511	7.025.550
109	83	131	Kháng thể đơn dòng kháng c- Myc	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06504612001 c- MYC (Y69) PAB	06504612001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	231.000	11.550.000
110	84	132	Kháng thể đơn dòng ALK (dòng D5F3)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06679072001 ALK (D5F3)	06679072001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Test	150	391.041	58.656.150
111	85	133	Kháng thể đơn dòng kháng PAX-5	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05552729001 CONFIRM PAX5 (SP34)	05552729001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	183.456	9.172.800
112	86	134	Kháng thể đơn dòng ALK1 (dòng ALK01)	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05278783001 CONFIRM Anti-ALK-1 Primary	05278783001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	171.297	8.564.850
113	87	135	Kháng thể đơn dòng kháng CD23	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05479258001 CONFIRM anti- CD23 (SP23)	05479258001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	157.248	7.862.400

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
114	88	136	Kháng thể đơn dòng kháng CD7	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06537847001 CD7 (SP94) PAB	06537847001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	165.753	8.287.650
115	89	137	Kháng thể đơn dòng kháng CD79a	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05640296001 CONFIRM CD79a (SP18)	05640296001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	131.040	6.552.000
116	90	138	Kháng thể đa dòng từ dê kháng trực tiếp IgM người.	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267935001 FITC IgM Primary Antibody	05267935001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	88.200	4.410.000
117	91	139	Kháng thể đa dòng từ dê kháng trực tiếp IgG người	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267919001 FITC IgG Primary Antibody	05267919001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	88.200	4.410.000
118	92	140	Kháng thể đa dòng từ dê kháng trực tiếp IgA người.	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267927001 FITC IgA Primary Antibody	05267927001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	88.200	4.410.000
119	93	141	Kháng thể đa dòng từ cừu kháng trực tiếp Fibrinogen ở người.	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267960001 FITC Fibrinogen Antibody	05267960001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	88.200	4.410.000
120	94	142	Kháng thể đa dòng từ dê kháng trực tiếp C3 người.	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05267978001 FITC C3 Primary Antibody	05267978001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	128.100	6.405.000
121	95	143	Tiêu bản chứng dương của xét nghiệm lai huỳnh quang tại chỗ Her2	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05640300001 HER2 Dual ISH Xenograft Slid	05640300001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Hộp	3	5.250.000	15.750.000
122	96	144	Hóa chất làm xanh nền hematoxylin	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05266769001 BLUING REAGENT	05266769001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	8.000	9.454	75.632.000
123	97	145	Dung dịch khử màng tế bào Protease	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05266696001 Protease 2	05266696001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	250	7.388	1.847.000

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)
124	98	146	Kháng thể kháng CD117	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	08763909001 CD117(EP10) Rabbit Mono PAB	08763909001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	150	233.373	35.005.950
125	99	147	Kháng thể đơn dòng kháng p16	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06695248001 CINtec® p16 Histology (50)	06695248001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	100	189.000	18.900.000
126	100	148	Kháng thể đơn dòng kháng CD44	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06364985001 CD44 (SP37) PAB	06364985001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	50	165.690	8.284.500
127	101	149	Bộ thuốc nhuộm Trichrome	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06521908001 TRICHROME STAINING KIT	06521908001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	75	143.500	10.762.500
128	102	150	Bộ dung dịch rửa tăng cường dùng cho Nhuộm đặc biệt	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06649327001 SPECIAL STAINS CLEAN PLUS	06649327001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Hộp	4	2.100.000	8.400.000
129	103	151	Bộ thuốc nhuộm Reticulum II	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05279399001 Reticulum II Staining Kit	05279399001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	75	115.500	8.662.500
130	104	152	Bộ thuốc nhuộm PAS	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05279291001 PAS STAINING KIT	05279291001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	225	115.500	25.987.500
131	105	154	Bộ dung dịch rửa thông thường dùng cho Nhuộm đặc biệt	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05279313001 SPECIAL STAINS CLEANING KIT	05279313001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Hộp	4	3.150.000	12.600.000
132	106	155	Bộ thuốc nhuộm Giemssa	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05279224001 GIEMSA STAINING KIT	05279224001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	75	143.500	10.762.500
133	107	156	Màu nhuộm xanh dùng cho phép nhuộm Trichrome	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06521916001 GREEN FOR TRICHROME	06521916001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	75	105.000	7.875.000
134	108	157	Bộ thuốc nhuộm Gram	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	06890105001 gram staining kit	06890105001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	75	147.000	11.025.000

Stt		Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)	
135	109	158	Bộ thuốc nhuộm GMS	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05412749001 GMS II STAIN KIT PACK	05412749001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	75	129.500	9.712.500	
136	110	159	Bộ thuốc nhuộm Elastic	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05279216001 ELASTIC STAINING KIT	05279216001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	75	143.500	10.762.500	
137	111	160	Bộ thuốc nhuộm Congo Red	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05279429001 Congo Red Staining Kit	05279429001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	40	115.500	4.620.000	
138	112	161	Alcian blue dùng cho phép nhuộm PAS	Nhóm 3	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	05279194001 ALCIAN BLUE FOR PAS	05279194001	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Mỹ	Ventana Medical Systems, Inc., USA	Test	225	105.000	23.625.000	
3. Công ty TNHH Sinh Nam												Tổng cộng: 07 danh mục		Trị giá: 239.844.800 VND	
139	1	36	Lam kính dùng làm tiêu bản nhuộm Hóa mô miễn dịch	Không phân nhóm	Công ty TNHH Sinh Nam	Lam kính mài 2 đầu	J1800AMNZ	New Erie Scientific	Mỹ	New Erie Scientific LLC (Epredia) / Mỹ	Cái	8.000	18.040	144.320.000	
140	2	162	Hematoxylin	Không phân nhóm	Công ty TNHH Sinh Nam	Thuốc nhuộm tiêu bản Hematoxylin (gồm 6 lọ A 53,6 gm + 6 lọ B 46,8 gm)	6765015	Richard - Allan Scientific	Mỹ	Richard - Allan Scientific LLC (Epredia) / Mỹ	Hộp	5	6.198.000	30.990.000	
141	3	163	Eosin	Không phân nhóm	Công ty TNHH Sinh Nam	Hóa chất nhuộm tế bào EOSIN Y	7111	Richard - Allan Scientific	Mỹ	Richard - Allan Scientific LLC (Epredia) / Mỹ	Chai	20	792.000	15.840.000	
142	4	164	Eosin Azur-50	Không phân nhóm	Công ty TNHH Sinh Nam	Hóa chất nhuộm tế bào EA-50	75504	Richard - Allan Scientific	Mỹ	Richard - Allan Scientific LLC (Epredia) / Mỹ	Chai	16	726.000	11.616.000	
143	5	165	Orange-6	Không phân nhóm	Công ty TNHH Sinh Nam	Hóa chất nhuộm tế bào OG-6	75204	Richard - Allan Scientific	Mỹ	Richard - Allan Scientific LLC (Epredia) / Mỹ	Chai	16	726.000	11.616.000	
144	6	166	Mực đánh dấu ria phẫu thuật	Không phân nhóm	Công ty TNHH Sinh Nam	Chất nhuộm tế bào Mark-It	5000BL/ 5000BK	Richard - Allan Scientific	Mỹ	Richard - Allan Scientific LLC (Epredia) / Mỹ	Chai	6	1.427.800	8.566.800	
145	7	168	Chất nền phủ mẫu cắt lạnh	Không phân nhóm	Công ty TNHH Sinh Nam	Chất nền phủ mẫu Cryomatrix	6769006	Richard - Allan Scientific	Mỹ	Richard - Allan Scientific LLC (Epredia) / Mỹ	Chai	40	422.400	16.896.000	

Stt	Stt HSMT	Tên danh mục	Phân nhóm TT14	Nhà thầu trúng thầu	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá sau thuế (VND)	Thành tiền sau thuế (VND)	
4. Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Vạn Hưng								Tổng cộng: 01 danh mục				Trị giá: 6.270.000.000 VND		
146	1	170	Bộ dung dịch xét nghiệm tế bào cổ tử cung Liqui	Nhóm 3	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Vạn Hưng	Bộ dung dịch xét nghiệm tế bào cổ tử cung, âm đạo kỹ thuật Liqui-Prep® Special Cytology Processing Kit	40-3001	LGM International Inc.	Mỹ	LGM International Inc. Hoa Kỳ	Bộ	33.000	190.000	6.270.000.000
Tổng cộng: 04 nhà thầu					146 danh mục				Tổng giá trị: 13.304.138.702 VND					

(Bằng chữ: Mười ba tỷ, ba trăm lẻ bốn triệu, một trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm lẻ hai đồng).

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC KHÔNG LỰA CHỌN ĐƯỢC NHÀ THẦU

(Đính kèm theo Quyết định số 2197/QĐ-BVĐHYD ngày 15 tháng 9 năm 2022)

Stt	Stt HSM T	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm TT14	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VND)
1	1	Lá kính (lamen) 24x40mm	Phiến kính dùng làm tiêu bản tế bào kích thước: dài 35-45mm, rộng 23-24mm.	Không phân nhóm	Cái	5.200	1.650	8.580.000
2	2	Ống dòng thủy tinh class A, 50ml	Ống dòng thủy tinh class A - Thể tích: 50ml	Không phân nhóm	Cái	4	79.000	316.000
3	3	Đầu tip 10µl	Được làm bằng nhựa PP, không chứa kim loại, thiết kế ôm sát đầu pipette, thành trong không dính nước, phù hợp với hầu hết các loại pipette trên thị trường. Không DNase. Dung tích 10µl.	Không phân nhóm	Cái	8.000	283	2.264.000
4	4	Đầu tip 1000µl	Được làm bằng nhựa PP, không chứa kim loại, thiết kế ôm sát đầu pipette, thành trong không dính nước, phù hợp với hầu hết các loại pipette trên thị trường. Không DNase. Dung tích 1000µl	Không phân nhóm	Cái	2.000	178	356.000
5	5	Đầu tip 200µl	Được làm bằng nhựa PP, không chứa kim loại, thiết kế ôm sát đầu pipette, thành trong không dính nước, phù hợp với hầu hết các loại pipette trên thị trường. Không DNase. Dung tích 200µl	Không phân nhóm	Cái	8.000	146	1.168.000
6	6	Ống Eppendorf 1.5ml	Chất liệu nhựa trong suốt PP, nắp khóa an toàn đảm bảo không rò rỉ. Dung tích 1.5ml	Không phân nhóm	Cái	2.000	300	600.000
7	7	Giấy lọc định tính lọc hóa chất	Giấy lọc định tính, đường kính 175-190mm, lọc được tinh thể	Không phân nhóm	Tờ	1.400	4.212	5.896.800
8	8	Giấy lau kính hiển vi, 10x15cm	Giấy sử dụng lau kính hiển vi. Đặc tính thấm hút cao để loại bỏ độ ẩm và dầu mỡ trên bề mặt thấu kính và các bề mặt quang học khác được làm bằng thủy tinh. Kích thước: dài 13-15cm, rộng 8-12cm.	Không phân nhóm	Tờ	2.750	4.200	11.550.000
9	9	Ống ly tâm đáy nhọn 15ml nắp vận	Ống ly tâm đáy nhọn, có chia vạch, chất liệu PP trong suốt, có nắp vận, dung tích 15ml	Không phân nhóm	Ống	1.200	6.200	7.440.000
10	10	Cồn 96 độ	Cồn ethanol, nồng độ 95% - 96%	Không phân nhóm	Lít	4.000	24.500	98.000.000
11	12	Formol	Công thức phân tử HCHO, nồng độ 37-40%, dùng để làm chất cố định bệnh phẩm. Chai dung tích tối thiểu 500ml	Không phân nhóm	Chai	170	40.000	6.800.000
12	19	Sáp hạt	Paraffin hạt hoặc dạng vảy, điểm nóng chảy trong khoảng 53-57 độ C, không chứa polyme.	Không phân nhóm	Kg	828	265.000	219.420.000
13	20	Xylene sinh học	Chất thay thế xylene trong xử lý mô, làm trong sáng mô, loại bỏ được cặn và sáp ra khỏi tế bào và mô. Thành phần 100% Naptha Isoparaffinic Hydrocacbon. Bình tối thiểu 3 lít	Không phân nhóm	Bình	120	1.570.000	188.400.000
14	23	Kháng thể đơn dòng chuột kháng cytokeratin 7 (CK7), dòng ov-tl 12/30	Kháng thể đơn dòng CK7 dòng OV-TL 12/30 hoặc dòng tương đương dạng đậm đặc. Lọ tối thiểu 0,2ml Tiêu chuẩn: CE/ISO/FDA	Nhóm 3	Lọ	1	9.182.250	9.182.250
15	26	Kháng thể đơn dòng chuột kháng NSE (Neuron-Specific Enolase),	Kháng thể Neuron-Specific Enolase (NSE) dạng đậm đặc. Lọ tối thiểu 0,2ml Tiêu chuẩn: CE/ISO/FDA	Nhóm 3	Lọ	1	9.929.850	9.929.850

Stt	Stt HSMT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm TT14	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VND)
		dòng BBS/NC/VI-H14						
16	35	Dao cắt móng	Lưỡi dao cắt mô vi thể, kích thước 80x8x0.25mm, góc nghiêng 30 - 40 độ, cắt được hầu hết các loại mô Tiêu chuẩn: CE/ISO/FDA	Nhóm 3	Cái	2.600	54.915	142.779.000
17	37	Xylene	Công thức phân tử C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂ (dimethyl benzen), dùng trong quá trình xử lý (chất làm trong sáng mô) và nhuộm (chất khử sáp). Chai tối thiểu 900ml	Không phân nhóm	Chai	120	105.000	12.600.000
18	38	Muối đệm toan hóa KH ₂ PO ₄	Công thức phân tử KH ₂ PO ₄ , tên gọi khác mono-Potassium orthophosphate, Potassium biphosphate, Potassium phosphate monobasic, là chất rắn không màu, dùng để làm muối đệm cho dung dịch cố định. Chai tối thiểu 450 gam.	Không phân nhóm	Chai	40	81.500	3.260.000
19	39	Muối đệm kiềm hóa Na ₂ HPO ₄	Công thức phân tử Na ₂ HPO ₄ , là chất rắn không màu, dùng để làm muối đệm cho dung dịch cố định. Chai tối thiểu 450 gam.	Không phân nhóm	Chai	60	63.390	3.803.400
20	47	Giemsa	Thuốc nhuộm Giemsa azur. Chai tối thiểu 500 ml.	Không phân nhóm	Chai	1	940.000	940.000
21	84	Dung dịch đệm lai phân tử	Dung dịch đệm lai phân tử có nồng độ < 55% formamide. Tiêu chuẩn: CE/ISO/FDA	Nhóm 3	ml	100	131.250	13.125.000
22	153	Màu Light Green dùng cho phép nhuộm PAS	Các lọ thuốc thử được cung cấp trong chai có dán nhãn mã vạch để đặt khay thuốc thử lên máy nhuộm tiêu bản tự động. Thuốc thử gồm Light Green for PAS chứa <1% xanh lá nhạt SF đến vàng nhạt trong dung dịch acid acetic 1%. Tiêu chuẩn: CE/ISO/FDA	Nhóm 3	Test	225	105.000	23.625.000
23	167	Bình xịt lạnh nhanh	Bình xịt chứa chất gây đông cứng nhanh sử dụng cho cắt lạnh vi thể. Có vòi mao dẫn. Duy trì độ ẩm trong các khối mô đã phủ chất nền. Chất làm lạnh tetrafluoroethane thân thiện với tầng ozone. Chai tối thiểu 450 gam.	Không phân nhóm	Chai	120	800.800	96.096.000
24	169	Phiến kính Lammen 22x22mm	Phiến kính chất liệu: thủy tinh Kích thước: dài 22-30mm, rộng 21-23mm Độ dày: 0.13 - 0.19mm Tiêu chuẩn: CE/ISO/FDA	Không phân nhóm	Miếng	96.000	545	52.320.000
25	171	Ống nhựa Pasteur nhỏ giọt 3ml	Ống nhựa Pasteur dùng để hút nhỏ giọt hóa chất trong phòng thí nghiệm sử dụng 1 lần - Chất liệu PE - Ống nhựa trong, một đầu hút, 1 đầu bầu tròn, thân có chia vạch, thể tích 3ml. Tiết trùng - Kích thước: dài 130-150mm	Không phân nhóm	Cái	5.100	396	2.019.600
Tổng cộng								920.470.900

(Bảng chữ: Chín trăm hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn, chín trăm đồng)